

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHỤNG HIỆP  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 12 -2022.

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Tuấn Khanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Thế Tự

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 525/2022/TLST-HN ngày 05 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Lê Thị Tuyết T, sinh năm 1961 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

**Bị đơn:** Dương Văn B, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:* Tôi và ông B qua tìm hiểu quen biết, sau một thời gian thì tiến tới hôn nhân. Chúng tôi có tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương và bắt đầu sống chung như vợ chồng từ năm 1984, đến ngày 06/6/2012 chúng tôi có đăng ký kết tại Ủy Bn nhân dân xã B, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Sau đó, đến khi các con đã trưởng thành thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu Tẫn. Thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc chia sẻ lẫn nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được, tình trạng hôn nhân không thể hàn gắn được nên tôi khởi kiện yêu cầu ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Dương Văn B.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung: Dương Thị Ngọc B, sinh ngày 10/02/1984 và Dương Phước T, sinh ngày 25/9/1988, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Dương Văn B vắng mặt nên không có lời trình bày.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn Dương Văn B có địa chỉ tại ấp P, xã B, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nên Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Dương Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn xuất phát từ sự tự nguyện, quá trình sống chung đến có đăng ký kết hôn theo luật định nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Tuyết T và ông Dương Văn B được pháp luật thừa nhận. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bà T và ông B bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột trong tình cảm vợ chồng nên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ đó, vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, hôn nhân không còn hòa hợp. Bà T và ông B đã nhiều lần hàn gắn nhưng không giải quyết được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã tạo điều kiện cho bà T có cơ hội hàn gắn với ông B nhưng bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật

sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông B có 02 con chung: Dương Thị Ngọc B, sinh ngày 10/02/1984 và Dương Phước T, sinh ngày 25/9/1988, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng theo quy định.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Tuyết T

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Tuyết T được ly hôn với ông Dương Văn B.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Tuyết T phải nộp 300.000 đồng (B trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (B trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008409 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Bà Lê Thị Tuyết T không phải nộp thêm.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- UBND xã nơi cư trú;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Võ Văn Tuấn Khanh**